

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HSST
Ngày 30 tháng 10 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm pHA - Chủ tọa phiên toà: Ông Cẩm Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị KHAh Loan

- Ông Lê Bắc Hải

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Anh Cường, cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Cẩm Văn H - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2017/HSST, ngày 06/10/2017 đối với bị cáo:

1. Lường Văn TH. Tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1982. Nơi ĐKNKTT: Bản P, xã CP, huyện SM, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 4/12; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông: Lường Văn T1, con bà: Lò Thị HA; có vợ: Lường Thị D; có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/5/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Tòng Thị NG. Sinh năm: 1997. Trú tại: Bản NB, xã CP, huyện SM, tỉnh Sơn La (*có mặt tại phiên tòa*)

2. Cẩm Thị T. Sinh năm: 1976. Trú tại: Bản TH1, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La (*đã chết*).

- Người đại diện hợp pháp cho người bị hại Cẩm Thị T: Cẩm Văn K. Sinh năm: 1936. Trú tại: Bản TH1, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La (*vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Lường Văn TH bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lường Văn TH (trú tại: bản P, xã CP, huyện SM, tỉnh Sơn La) có em gái là Lường Thị S đang làm thuê cho Tòng Thị H (tên gọi khác là Trương Thị H) đang sinh sống ở bên Trung Quốc. Đầu tháng 6/2016, Số mượn điện thoại của H

gọi điện cho TH nhiều lần hỏi thăm gia đình, TH có nói với Sô là xin H ứng trước tiền công. Sau đó, H đã chủ động gọi điện cho TH hứa sẽ cho ứng 2 tháng tiền công của Sô là 10 triệu đồng và bảo TH sang Trung Quốc lấy tiền, đồng thời đặt vấn đề với TH tìm cho H 02 cô gái dưới 40 tuổi đưa sang Trung Quốc giúp việc và dặn TH không được nói với họ là sang Trung Quốc vì sợ họ không đi và phải nói là đi làm việc ở Lào Cai. TH hỏi mỗi người đưa sang Trung Quốc thì TH được hưởng bao nhiêu tiền thì H nói là từ 2-3 triệu/ 01 người, TH đồng ý và nói lại với vợ (Lường Thị D) biết việc sẽ sang gặp H để lấy tiền công của Sô và đưa các cô gái sang Trung Quốc giúp việc cho H.

Khoảng ba ngày sau, D đi làm nương về ghé qua nhà mẹ đẻ của D chơi, thấy chị Tòng Thị L (trú tại: bản NB, xã CP, huyện SM, tỉnh Sơn La) đang chăn bò ở gần đó, qua nói chuyện D hỏi thăm về Tòng Thị NG (con chị L) đang ở nhà làm gì, nếu không có việc làm thì cho đi làm thuê như Lường Thị S (không nói rõ làm ở đâu), công việc là trông trẻ, bán hàng tạp hóa, tiền công mỗi tháng từ 4 – 5 triệu đồng, nếu đi thì hỏi anh TH. Chị L dặn D bảo TH đến nhà để hỏi cụ thể. D về nhà nói lại sự việc với TH. Khoảng hai ngày sau, TH đến nhà gặp chị L và NG, TH hỏi NG có đi làm thuê không? Chị L hỏi “*làm việc gì, làm ở đâu?*” thì TH nói là trông trẻ và bán hàng tạp hóa cho cô H ở Lào Cai, vợ chị H là giáo viên, bận việc cơ quan nên không có thời gian trông con và bán hàng, tiền công mỗi tháng từ 4 – 5 triệu đồng, không phải mang theo điện thoại và quần áo. NG nói không có tiền đi sang Lào Cai, TH nói sẽ lo tiền vé xe, ăn uống dọc đường, hôm nào đi sẽ thông báo, NG đồng ý, hai người cho nhau số điện thoại rồi TH đi về. Tối hôm đó, TH gọi điện cho Cầm Thị T (Trú tại: Bản TG - nay là bản TH1, xã NN, SM) rủ đi làm thuê ở tỉnh Lào Cai, T đồng ý và hẹn gặp nhau trên xe khách. TH gọi điện cho H thông báo đã tìm được 02 phụ nữ như thỏa thuận, H hẹn TH ngày 20/6/2016 đưa sang Trung Quốc cho H, TH đồng ý.

Ngày 17/6/2016, TH đến nhà Lường Văn I (người cùng bản) kể lại việc H hứa sẽ cho ứng tiền công của Sô (TH không nói cho I biết việc đưa NG, T sang Trung Quốc để giao cho H), và hỏi vay I 01 triệu đồng, I đồng ý cho TH vay tiền. TH rủ I ngày 20/6/2016 cùng đi Lào Cai và đi sang Trung Quốc gặp H. Đến ngày 20/6/2016, do trời mưa không đi được nên bị hoãn lại ngày hôm sau.

Khoảng 04 giờ ngày 21/6/2016, TH điều khiển xe máy biển số 26B2 – 091.22 mượn xe của em rể là Tòng Văn C (trú tại: Bản NB, xã CP, huyện SM) chở Tòng Thị NG đi đến cổng trường cấp II xã CP thì thấy Lường Văn I và Lường Thị T (con gái I) đang đứng chờ. TH và I chở NG, T đi theo đường CM đến ngã ba CP, huyện TC, tỉnh Sơn La, gửi xe máy tại quán phở. Sau đó đón xe khách tuyến Sơn La – Lào Cai chuyến 07 giờ, khi lên xe khách thì thấy Cầm Thị T đã ngồi sẵn trên xe. Khoảng 16 giờ cùng ngày, xe đến thành phố Lào Cai, I gọi điện báo cho H biết và được H hướng dẫn đường đi. Sau khi ăn cơm tại bến xe cũ tỉnh Lào Cai xong, I gọi xe taxi đưa 05 người đến bờ sông rồi xuống thuyền đi sang Trung Quốc, sau đó tiếp tục đi bằng xe máy do H thuê chở đi được 02 km thì gặp chồng chị H và em chị H (không biết tên) đang chờ. H đưa I, TH, NG, T, T vào quán ăn cơm ở khu chợ Hà Khẩu, Trung Quốc. Ăn xong mọi người cùng đi ra đường nhựa, trên đường đi I chỉ tay vào T và nói với H, T là

con gái của I và giao cho H nhờ giúp đỡ, còn TH nói với H “*cháu giao cho cô 2 người này*” đồng thời chỉ tay vào NG, T và nói rõ tên từng người. H lấy tiền ra đưa cho TH 15 triệu đồng và nói rõ 10 triệu đồng là tiền công của S, còn 05 triệu đồng là tiền công về việc TH đưa NG, T đến giao cho H. Thấy T có biểu hiện ốm yếu, H nói với TH nếu T làm được việc thì H sẽ cho thêm TH từ 01 đến 02 triệu đồng nữa. H cho NG ứng 05 triệu đồng đưa cho TH cầm hộ mang về cho gia đình NG, sau đó H gọi xe ôm chở TH, I quay về Việt Nam, hai người ngủ trọ ở khu vực bến xe khách Lào Cai.

Sáng ngày 22/6/2016, TH và I đi xe khách Lào Cai – Sơn La về nhà. Khi đến nhà, TH đưa cho chị L 03 triệu tiền công của NG ứng từ H. Sau khi TH, I đi về, H đưa NG, T, T vào sâu trong nội địa Trung Quốc. Khoảng 08 giờ ngày 22/6/2016 thì đến nhà H (không biết địa chỉ cụ thể). Do T có bệnh nên H đã để T quay trở về Việt Nam. Còn NG, T được H cho ở cùng một phòng với Lương Thị S. Sau đó vợ chồng H đưa T, NG đi làm gái mại dâm tại nhiều địa điểm ở Trung Quốc.

Đến ngày 31/7/2016, NG được Công an Trung Quốc bàn giao cho Bộ đội biên phòng Việt Nam qua cửa khẩu tỉnh Hà Giang và trở về nhà. Ngày 15/3/2017, NG có đơn tố cáo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của Lương Văn TH.

Quá trình điều tra, bị hại Tòng Thị NG yêu cầu Lương Văn TH phải bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm là 50.000.000 đồng. Đến nay bị cáo chưa bồi thường được khoản tiền nào

Bị hại Chăm Thị T, sau khi trở về nhà, do bệnh tật nên đã chết vào ngày 16/3/2017. Người đại diện hợp pháp cho Chăm Thị T là ông Chăm Văn K (bố đẻ của T) không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Đối với đối tượng Tòng Thị H (Trương Thị H), được xác định là người giao dịch mua bán với Lương Văn TH, do không rõ địa chỉ nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La đang tiếp tục phối hợp với Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lào Cai xác minh để xem xét xử lý sau.

Đối với Lương Văn I là người được đi cùng với TH sang Trung Quốc, mục đích đưa T (con gái I) sang Trung Quốc nhờ H tìm việc hộ và không có mục đích mua bán vì trước đây I cũng nhờ H tìm việc hộ Lương Thị Thoại (con gái I), hiện vẫn đang làm thuê bên Trung Quốc. Quá trình đi cùng TH, I không biết việc trao đổi mua bán giữa TH và H. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La không có căn cứ xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với I, nên đã chuyển cho Công an huyện SM, tỉnh Sơn La xử lý hành chính theo thẩm quyền về hành vi vi phạm quy chế về khu vực biên giới, mức phạt 4.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Lương Thị D (vợ TH) không biết việc TH đưa NG, T sang Trung Quốc để hưởng lợi số tiền 5 triệu đồng mà H đưa, do đó Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý.

Do có hành vi trên, tại bản cáo trạng số 31/P2-VKS ngày 03/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Lường Văn TH phạm tội Mua bán người theo điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Lường Văn TH.

Đề nghị Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lường Văn TH từ 07 đến 08 năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, Người bị hại Tòng Thị NG yêu cầu bị cáo Lường Văn TH bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng), bồi thường mất thu nhập trong thời gian 03 tháng bị bán sang Trung Quốc là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), tổng cộng bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường 02 khoản là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Cẩm Thị T – ông Cẩm Văn K không yêu cầu bị cáo Lường Văn TH phải bồi thường

Bị cáo Lường Văn TH nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lường Văn TH: Đầu tháng 6/2016, Lường Văn TH sau khi trao đổi với Tòng Thị H về việc ứng lương của Lường Thị S (em gái TH) và đã nhận lời của H về việc tìm 02 cô gái dưới 40 tuổi đưa sang Trung Quốc giúp việc (không nói cho những người đó là sang Trung Quốc vì sợ không có ai đi), mục đĩ nhận tiền công từ 2 - 3 triệu đồng/ người. TH đã tìm được 02 người phụ nữ là Tòng Thị NG và Cẩm Thị T. Khi rủ, TH nói là đi làm thuê ở bên LÀO CAI (làm bán hàng và trông trẻ, tiền công từ 4 đến 5 triệu đồng/ tháng). Ngày 21/6/2016, TH đưa NG, T sang Trung Quốc giao cho H, đi cùng TH còn có Lường Văn I và Lường Thị T (con gái I) đi cùng. Đến nơi, TH giao NG, T cho H và hưởng lợi số tiền 05 triệu đồng. Do sức khỏe kém, bị bệnh tật nên ngày 22/6/2016, T được cho về Việt Nam, còn NG, T bị đưa đi làm gái mại dâm tại nhiều địa điểm ở Trung Quốc. Hành vi phạm tội của bị cáo Lường

Văn TH được chứng minh bằng các căn cứ sau:

Đơn tố giác ngày 15/3/2017 của Tòng Thị NG do anh Tòng Văn Chinh (em trai chị NG) viết hộ đã tố giác việc Lường Văn TH đã có hành vi lừa bán chị NG, T sang Trung Quốc cho Tòng Thị H. H đã đưa bị hại NG đi làm gái mại dâm.

Biên bản nhận dạng đối với đối tượng Tòng Thị H của Lường Văn I, Lường Thị T, Lường Thị S, Tòng Thị NG

Lời khai nhận tội của bị cáo Lường Văn TH phù hợp với lời khai của bị hại Tòng Thị NG, phù hợp với lời khai của những người biết việc Lường Thị S, Lường Thị T, Lường Văn I, Lường Thị D, Tòng Thị L.

Từ các căn cứ như đã nêu trên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lường Văn TH phạm tội Mua bán người theo điểm đ, e Điều 119 Bộ luật Hình sự 1999

[3] Khung hình phạt áp dụng: Bị cáo Lường Văn TH đã có hành vi lừa bán hai bị hại Tòng Thị NG, Cầm Thị T sang Trung Quốc, hưởng lợi số tiền 05 triệu đồng, đã vi phạm điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự 1999 “*để đưa ra nước ngoài*” và “*đối với nhiều người*”, có khung hình phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm.

Ngoài hình phạt chính, bị cáo Lường Văn TH còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 119 Bộ luật hình sự 1999. Song xét hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vai trò của bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Lường Văn TH đã nhận lời của Tòng Thị H tìm hai người phụ nữ dưới 40 tuổi đem sang Trung Quốc với mục đi hưởng tiền công. Bị cáo đã chủ động tìm kiếm, liên lạc, lừa dối các bị hại và đưa thành công hai bị hại Tòng Thị NG, Cầm Thị T sang Trung Quốc, hưởng lợi số tiền 05 triệu đồng. Đối với đối tượng Tòng Thị H, được xác định là người giao dịch mua bán với Lường Văn TH, do không rõ địa chỉ nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La đang tiếp tục phối hợp với Cơ quan điều tra Công an tỉnh LÀO CAI xác minh để xem xét xử lý sau. Do đó bị cáo Lường Văn TH phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hành vi mua người.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lường Văn TH thuộc trường hợp đặc biệt NG trọng, bị cáo Lường Văn TH là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là xâm phạm quyền tự do, thân thể của người phụ nữ được pháp luật bảo vệ, song vì hám lời đã bất chấp pháp luật để thực hiện tội phạm, dẫn tới hậu quả bị hại bị chà đạp về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, mất thu nhập. Do đó, cần có mức án NG khắc đối với bị cáo mới đảm bảo được tính răn đe và phòng ngừa C.

[6] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh khó khăn, sống ở vùng sâu, vùng xa, trình độ nhận thức, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người bị hại Tòng Thị NG bị cáo Lương Văn TH bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng), bồi thường mất thu nhập trong thời gian 03 tháng bị bán sang Trung Quốc là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), tổng cộng bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường 02 khoản là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng), xét cần chấp nhận.

Người đại diện hợp pháp cho Cầm Thị T là ông Cầm Văn K (bố đẻ của T) không yêu cầu bị cáo Lương Văn TH phải bồi thường, xét cần chấp nhận.

[8] Về những người có liên quan đến vụ án:

Đối với Tòng Văn I, Lương Thị D được Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Lương Văn TH, không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Mua bán người, xét cần chấp nhận

Đối với Tòng Thị H được xác định là người giao dịch mua bán với Lương Văn TH, do không rõ địa chỉ nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La đang tiếp tục phối hợp với Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lào Cai xác minh để xem xét xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Lương Văn TH phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1, 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lương Văn TH phạm tội Mua bán người

1. Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn TH 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 22/5/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật dân sự 2015

- Buộc bị cáo Lương Văn TH phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, mất thu nhập cho người bị hại Tòng Thị NG số tiền là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

- Chấp nhận việc người đại diện hợp pháp cho Cẩm Thị T là ông Cẩm Văn K (bố đẻ của T) không yêu cầu bị cáo Lương Văn TH phải bồi thường

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1, 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí:

Buộc bị cáo Lương Văn TH phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự. Tổng cộng hai khoản bị cáo Lương Văn TH phải chịu là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/10/2017).

Người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Phòng PC44-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm pHA- Chủ tọa phiên tòa

Cầm Văn Thanh

